

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2024
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến và ông Nguyễn Quang Châu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16a/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà P, sinh năm 1974 – Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông V, sinh năm 1974 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2024, quá trình giải quyết vụ án bà P trình bày: Bà P và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Năm 2004, ông V và bà P đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Sau kết hôn, ông bà sinh sống và làm việc tại thôn S, xã N. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2018, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, nghi ngờ, không tin

tưởng nhau, không yêu thương chăm sóc nhau, ông V còn thường xuyên chơi bài bạc, nợ nần, đe dọa đánh đập bà P. Bà P phải đi làm ăn để trả nợ. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà P không còn tình cảm vợ chồng với ông V. Vì vậy, bà P xin ly hôn với ông V.

Giữa ông V và bà P có một người con chung, cháu C, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, nên bà P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn V có hộ khẩu và sinh sống tại Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Ông V đã được Tòa án triệu tập làm việc theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng vắng mặt không lý do.

Tại biên bản làm việc với ông V vào ngày 15/3/2024, tại nhà ông V có đại diện Ban tự quản thôn, ông V trình bày ý kiến nhưng không chịu ký vào biên bản làm việc, nội dung: Bà P đi làm ăn đã 07 năm nhưng không nói cho ông V biết bà P đi làm ăn ở đâu, chỉ 02 năm đầu tiên bà P về nhà, sau đó không về nhà. Bà P yêu cầu ly hôn cũng không nói gì với ông, việc bà P yêu cầu ly hôn không liên quan gì đến ông, ông không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, không có ý kiến gì về việc bà P yêu cầu ly hôn, ông V không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà P ly hôn với ông V. Về con chung: Cháu C, sinh năm 1998 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng, bà P không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Buộc bà P chịu án phí dân sự về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 bản sao giấy khai sinh; 01 bản sao căn cước công dân; 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn ông V có nơi cư trú tại Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn ông V có đăng ký thường trú tại và sinh sống tại Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tòa án tiến hành niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng trong vụ án theo quy định pháp luật đối với ông V, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông V vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa ông V đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không nêu rõ quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, ông V phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Ông V và bà P xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 12/7/2004 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2004 mang tên bà P và ông V. Do đó, hôn nhân giữa bà P và ông V là hợp pháp và đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Tuy nhiên, giữa ông V và bà P phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Khi phát sinh mâu thuẫn ông bà không tìm cách giải quyết hàn gắn tình cảm mà bà P lựa chọn bỏ đi làm ăn xa, để mặc mâu

thuần xảy ra. Ông bà không chung sống với nhau thời gian đã lâu, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, xa cách.

Qua xác minh tại Ban tự quản thôn S, xã N thể hiện: Ban tự quản thôn không biết giữa ông V và bà P có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, từ năm 2017 bà P đi làm ăn xa, hai năm đầu có về thăm nhà, sau đó không về, thực tế hai người còn không chung sống với nhau, mỗi người sống hai nơi khác nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa ông V và bà P đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho bà P và được ly hôn với ông V.

[6]. Về con chung: Cháu C, sinh năm 1998 đã trưởng thành, tự lo và có cuộc sống riêng, không thuộc các trường hợp: Không bị mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình. Bà P không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết về con chung.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[8]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà P đối với ông V.
2. Về hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông V (chấm dứt hôn nhân).
3. Về án phí: Bà P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0000503, ngày 22/02/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nông (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nông;
- UBND xã Đắk Sôr;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy

